

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN BIÊN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 10/7/2019

“V/v ly hôn và nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN-TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thanh Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Bà Đoàn Hồng Vân.

2- Ông Bùi Minh Cảnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đen, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang: Bà Lai Thị Ngọc Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2019, tại Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 137/2019/TLST-HNGĐ, ngày 23 tháng 4 năm 2019 về việc: “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2019/QĐXX-ST, ngày 19 tháng 6 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 53/2019/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

1- Nguyên đơn: Chị Từ Thị Tú K, sinh năm 1985 (có mặt).

HKTT: Ấp X, xã N.A, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

Chỗ ở hiện nay: Ấp X, xã T, huyện M, tỉnh Kiên Giang.

2- Bị đơn: Anh Trần Văn M, sinh năm 1983 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp X, xã N.A, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 27/3/2019 nguyên đơn chị Từ Thị Tú K trình bày và yêu cầu như sau:

Về hôn nhân: Chị và anh Trần Văn M kết hôn với nhau vào năm 2008, có tổ chức lễ cưới theo phong tục ở địa phương và có đăng ký kết hôn ngày 23/9/2011 tại Ủy ban nhân dân xã N.A, huyện A, tỉnh Kiên Giang. Vợ chồng chung sống thường phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do cuộc sống không hòa hợp nhau, dẫn đến cự cãi làm cho hạnh phúc gia đình không còn

nữa, bên cạnh đó cha mẹ chồng đuổi chị ra khỏi nhà nên vợ chồng đã ly thân từ tháng 11/2017 cho đến nay.

Về con chung: Có 03 người con tên Trần Thị Bảo D, sinh ngày 06/9/2009, Trần Hoàng D, sinh ngày 29/3/2012 và Trần Kim D, sinh ngày 22/3/2016, từ khi ly thân cho đến nay các con sống với anh Trần Văn M. Nay chị yêu cầu xin được nuôi con và không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa giải quyết.

Đối với bị đơn anh Trần Văn M Tòa án đã tổng đạt hợp lệ gồm: Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh M vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng và cũng không có ý kiến gì về yêu cầu của chị Khanh.

Tại phiên tòa hôm nay, chị Từ Thị Tú K có ý kiến, yêu cầu như sau:

Về hôn nhân: Chị vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh Trần Văn M.

Về con chung: Do các con có nguyện vọng sống với anh Trần Văn M. Vì vậy, chị đồng ý giao 03 đứa con cho anh M chăm sóc, nuôi dưỡng và chị không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu Tòa giải quyết.

Quan điểm của đại viện Viện kiểm sát:

Về phần thủ tục: Từ khi thụ lý hồ sơ vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử thì Thẩm phán đã thực hiện trình tự thủ tục đúng theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và thư ký đã thực hiện trình tự thủ tục đúng theo quy định của pháp luật.

Về phần nội dung:

Về hôn nhân: Ghi nhận yêu cầu của chị Từ Thị Tú K xử cho chị Từ Thị Tú K và anh Trần Văn M được ly hôn.

Về con chung: Ghi nhận yêu cầu của chị Từ Thị Tú K giao các cháu Trần Thị Bảo D, sinh ngày 06/9/2009, Trần Hoàng D, sinh ngày 29/3/2012 và Trần Kim D, sinh ngày 22/3/2016 (theo nguyện vọng của cháu Bảo D và cháu Hoàng D) cho anh Trần Văn M chăm sóc, nuôi dưỡng, chị K không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Chị Từ Thị Tú K không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền xét xử: Đây là quan hệ tranh chấp về ly hôn, nuôi con và bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ khoản 1 Điều 28 điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử là đúng thẩm quyền.

[2] Về thủ tục tố tụng: Đối với anh Trần Văn M đã được triệu tập hợp lệ nhưng lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt đối với anh Trần Văn M.

[3] Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Chị Từ Thị Tú K và anh Trần Văn M kết hôn với nhau vào năm 2008 và có đăng ký kết hôn vào ngày 23/9/2011, tại Ủy ban nhân dân xã N.A, huyện A, tỉnh Kiên Giang. Theo trích lục kết hôn số 03, ngày 26/3/2019 nên hôn nhân của chị K và anh M là hợp pháp.

Về mâu thuẫn, do vợ chồng chung sống không hòa hợp nhau, thường cự cãi trong cuộc sống gia đình. Từ đó, vợ chồng đã ly thân từ tháng 11/2017 cho đến nay, từ khi ly thân với nhau anh chị cũng không ai tới lui để hòa giải được và cũng như tại Tòa chị K vẫn kiên quyết xin ly hôn với anh M.

Từ đó, xét thấy mâu thuẫn của vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt, nên Hội đồng xét xử ghi nhận yêu cầu của chị K, xử cho chị Từ Thị Tú K và anh Trần Văn M ly hôn là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Chị Từ Thị Tú K và anh Trần Văn M có 03 người con tên Trần Thị Bảo D, sinh ngày 06/9/2009, Trần Hoàng D, sinh ngày 29/3/2012 và Trần Kim D, sinh ngày 22/3/2016. Chị K yêu cầu giải quyết là giao 03 người con cho anh M nuôi dưỡng và chị K không phải cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, yêu cầu của chị K là có cơ sở. Bởi vì, từ khi ly thân các cháu sống với anh M, cuộc sống của các cháu cũng ổn định và anh M có điều kiện nuôi con, đồng thời cũng theo nguyện vọng của cháu Bảo D và cháu Hoàng D, còn cháu Trần Kim D đến thời điểm xét xử cháu D đã hơn 36 tháng tuổi. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận yêu cầu của chị K giao 03 cháu cho anh M nuôi dưỡng và chị K không phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về tài sản và nợ chung: Chị Từ Thị Tú K không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[4] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Từ Thị Tú K phải chịu 300.000đ, nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ. Vậy chị K đã nộp đủ tiền án phí.

Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nêu trên là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án và khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Ghi nhận yêu cầu của chị Từ Thị Tú K xử cho chị Từ Thị Tú K và anh Trần Văn M được ly hôn.

2. Về con chung: Ghi nhận yêu cầu của chị Từ Thị Tú K là giao cháu Trần Thị Bảo D, sinh ngày 06/9/2009, Trần Hoàng D, sinh ngày 29/3/2012 (theo nguyện vọng của cháu Bảo D và Hoàng D) và Trần Kim D, sinh ngày 22/3/2016 cho Trần Văn M chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị K không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Khanh có quyền thăm nom con chung, không ai được ngăn cản. Khi cần thiết chị K và anh M có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản và nợ chung: Chị Từ Thị Tú K không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Từ Thị Tú K phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), theo lai thu số 0001753 ngày 23/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Vậy chị K đã nộp đủ tiền án phí.

5. Báo quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm báo cho chị K có mặt biết có quyền kháng cáo Bản án trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (10/7/2019). Đối với anh M vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

6. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng

chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Biên;
- THADS huyện An Biên;
- UBND xã Nam Thái A;
- Các đương sự;
- Lưu Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký và đóng dấu

Phạm Thanh Tâm